

Số: 884 /BC-BGDĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO**Tình hình, kết quả rà soát, đề xuất Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo tình hình, kết quả rà soát, đề xuất Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**1. Tình hình chỉ đạo và tổ chức triển khai**

a) Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai kịp thời, đúng tiến độ:

- Công văn số 1487/BGDĐT-VP ngày 03/4/2025 chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Bộ GDĐT tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính;

- Kế hoạch số 453/KH-BGDĐT ngày 15/4/2025 triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 tại Bộ GDĐT năm 2025;

- Công văn số 1826/BGDĐT-VP ngày 18/4/2025 hướng dẫn các đơn vị thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP;

- Công văn số 2522/BGDĐT-VP ngày 21/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP và Công điện số 56/CĐ-TTg;

- Công văn số 3185/BGDĐT-VP ngày 19/6/2025 về tập trung rà soát, cắt giảm TTHC đảm bảo tỷ lệ cắt giảm ít nhất 30% theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Nhiệm vụ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ được tập thể Lãnh đạo Bộ GDĐT xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa công tác cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Do đó, tình hình, tiến độ, các khó khăn, vướng mắc triển khai thực hiện nhiệm vụ được cập nhật, báo cáo, đôn đốc kịp thời tại các cuộc họp giao ban hằng tuần do Lãnh đạo Bộ chủ trì và tại các cuộc họp chuyên đề để trao đổi, đôn đốc nhiệm vụ.

2. Kết quả rà soát, đề xuất Phương án

a) Kết quả thống kê

Căn cứ vào kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, dữ liệu công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; trên cơ sở hướng dẫn và ý kiến góp ý của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4921/VPCP-KSTT ngày 04/6/2025 góp ý kết quả tổng hợp, thống kê TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT, Bộ rà soát, tổng hợp, thống kê đầy đủ TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp (Công văn số 2085/BGDĐT-VP ngày 29/4/2025) và cập nhật, công khai kết quả rà soát, thống kê TTHC, điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT¹: 282 TTHC. Trong đó, tổng số TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh: 208 TTHC² (thuộc 12 ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư và 01 lĩnh vực không thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư).

- Tổng số chi phí tuân thủ TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc (hiện tại): 24.873,93 triệu đồng.

- Tổng thời gian giải quyết các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT: 18 tháng, 2.768 ngày làm việc và 2.007 ngày³.

¹ Tính đến ngày 29/4/2025.

² Số liệu TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT sau khi rà soát là **208** TTHC (giảm **11** TTHC so với **219** TTHC trong nội dung đã báo cáo gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp tại Công văn số 2085/BGDĐT-VP ngày 29/4/2025). Do sau khi rà soát, có 18 TTHC đã được rà soát, công bố TTHC nội bộ và bổ sung thêm 07 TTHC theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4921/VPCP-KSTT ngày 04/6/2025, do đó, Bộ GDĐT đã điều chỉnh lại cho phù hợp với số liệu thực tế.

³ Số liệu thời gian giải quyết TTHC của Bộ có sự thay đổi so với Công văn số 2085/BGDĐT-VP, do điều chỉnh theo số liệu TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, Bộ quy đổi theo: 30 ngày/tháng, ngày làm việc và ngày thường được tính chung là ngày để tính tỷ lệ % cắt giảm.

- Số TTHC có điều kiện kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư: 202 TTHC; gồm 832 điều kiện kinh doanh⁴.

- Số TTHC có điều kiện kinh doanh không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư: 06 TTHC, gồm 20 điều kiện kinh doanh.

- Số TTHC, sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT: Không có.

- Số TTHC quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT: 42 TTHC⁵.

- Chế độ báo cáo của doanh nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT: 54 chế độ báo cáo⁶. Trong đó, có 09 chế độ báo cáo do các tổ chức tham gia hoạt động giáo dục (Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, Văn phòng đại diện giáo dục) và 45 chế độ báo cáo do các cơ sở giáo dục (bao gồm cơ sở giáo dục công lập và tư thục) thực hiện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

b) Kết quả rà soát, đề xuất Phương án

- Bộ GDĐT đã rà soát, xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ và gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ. Đến ngày 28/6/2025, Bộ GDĐT đã nhận được ý kiến của **39** cơ quan đối với dự thảo Phương án (bao gồm 08 bộ, cơ quan ngang bộ; 03 tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp; 28 địa phương). Các nội dung góp ý của các cơ quan, tổ chức đã được Bộ GDĐT nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và giải trình đầy đủ, rõ ràng tại tài liệu tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan đối với Phương án.

- Số TTHC được đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2025: 131/208 TTHC (đạt tỷ lệ 62,98%) thuộc 11 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và 01 lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT (trong đó, có 27/131 TTHC được đề xuất bãi bỏ, đạt tỷ lệ 20,61%). Cụ thể:

⁴ Số liệu điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT sau khi rà soát là **852** điều kiện kinh doanh (**tăng 01** điều kiện kinh doanh so với **851** điều kiện kinh doanh được thống kê, báo cáo trong Công văn số 2085/BGDĐT-VP ngày 29/4/2025). Lý do: Bộ GDĐT đã thực hiện rà soát, thống kê và điều chỉnh số lượng các điều kiện kinh doanh theo 208 TTHC nêu trên.

⁵ Bộ GDĐT rà soát, bổ sung mới theo góp ý của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4921/VP-CP-KSTT ngày 04/6/2025, theo đó, bổ sung đối với các TTHC có dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trường, lớp học tại các cấp học theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

⁶ Số liệu chế độ báo cáo của doanh nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT là **54** chế độ báo cáo (**giảm 78** chế độ báo cáo so với **132** chế độ báo cáo được thống kê trong Phụ lục tại Nghị quyết số 66/NQ-CP). Vì các chế độ báo cáo này là các chế độ báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước, không liên quan đến doanh nghiệp.

(i) Về điều kiện kinh doanh:

+ Đề xuất bãi bỏ 264/852 điều kiện kinh doanh, đạt tỷ lệ 30,99% *(đạt mục tiêu của Nghị quyết số 66/NQ-CP)*;

+ Đề xuất đơn giản hóa 14/852 điều kiện kinh doanh, đạt tỷ lệ 1,64% *(đề xuất thêm so với mục tiêu của Nghị quyết số 66/NQ-CP)*.

(ii) Về thời gian giải quyết TTHC:

Đề xuất cắt giảm 1.743/5.315 ngày giải quyết TTHC (bao gồm: 18 tháng và 1.203 ngày), đạt tỷ lệ 32,79% *(đạt mục tiêu của Nghị quyết số 66/NQ-CP)*.

(iii) Về chi phí tuân thủ TTHC:

Dự kiến cắt giảm 8.017,21/24.873,93 triệu đồng, đạt tỷ lệ 32,23% *(đạt mục tiêu của Nghị quyết số 66/NQ-CP)*.

Ngoài ra, Phương án cũng đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 17 thành phần hồ sơ TTHC và rà soát, đề xuất bổ sung quy định nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC chưa quy định cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

(Chi tiết phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với từng TTHC tại Phụ lục I, II kèm theo).

3. Kết quả thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

a) Tại Phương án, Bộ GDĐT đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa đối với 131/208 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2025, theo đó, đã thực thi:

- Đã cắt giảm thời gian giải quyết TTHC đối với 10 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng thời gian đã cắt giảm là: 06 tháng, 37 ngày (tính theo ngày, đã cắt giảm 217/5.315 ngày giải quyết TTHC, đạt tỷ lệ: 4,08%).

- Đã cắt giảm 03 thành phần hồ sơ tại 02 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đã thực hiện phân cấp giải quyết TTHC đối với 35 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm: 10 TTHC phân cấp từ cấp Bộ về cấp tỉnh; 25 TTHC phân cấp từ cấp huyện về cấp xã).

b) Văn bản đã thực thi bao gồm:

- 02 Nghị định của Chính phủ (cắt giảm, đơn giản hóa đối với 20 TTHC): Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 01 Thông tư của Bộ trưởng (cắt giảm, đơn giản hóa đối với 10 TTHC): Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

(Chi tiết TTHC thực thi cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục III kèm theo).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

a) Một trong những điểm nổi bật trong quá trình xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC là sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Bộ GDĐT. Việc triển khai được thực hiện nghiêm túc, bài bản, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Nhờ đó, toàn bộ tiến độ và nội dung của Phương án được kiểm soát chặt chẽ, đúng định hướng, không hình thức.

b) Các đơn vị thuộc Bộ đã tích cực trong việc rà soát, đánh giá và đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý. Một số đơn vị còn chủ động phối hợp với các bên liên quan, nghiên cứu thực tiễn và đề xuất các phương án có tính khả thi cao, góp phần nâng cao chất lượng tổng thể của Phương án. Quá trình nghiên cứu, đánh giá, đề xuất phương án được thực hiện song song với các bước đánh giá hồ sơ các dự án luật do Bộ được giao chủ trì nên việc đánh giá được thực hiện tổng thể, bám sát tinh thần, chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung của các dự án Luật nhằm đảm bảo khả thi.

c) Kết quả đề xuất, cắt giảm đã đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ cắt giảm, bãi bỏ theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP. Điều này thể hiện nỗ lực nghiêm túc, có trách nhiệm của Bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc

a) Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính vẫn còn hạn chế là các TTHC được đề xuất tại Phương án chưa đảm bảo tính toàn diện, triệt để, còn một số TTHC chưa được đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa (lĩnh vực giáo dục đại học, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp) do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, vẫn đang trong giai đoạn đánh giá tác động nhằm vừa đảm bảo việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC phù hợp với thực tiễn và vừa đảm bảo chức năng quản lý của Bộ.

b) Thời gian thực hiện rà soát theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP là tương đối gấp, trong khi khối lượng công việc lớn, yêu cầu bao quát toàn bộ các quy định liên quan đến TTHC, điều kiện kinh doanh, chế độ báo cáo, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tái cấu trúc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ,... Do đó, một số nội dung chưa có đủ căn cứ pháp lý và thực tiễn để đề xuất rõ ràng, đầy đủ. Một số nội dung về chế độ

báo cáo, tiêu chuẩn, quy chuẩn, Bộ đang tiếp tục rà soát và đề xuất sửa ngay trong quá trình thực thi các Phương án trên nhằm đảm bảo đồng bộ, khả thi và không phải sửa đổi văn bản nhiều lần.

3. Nguyên nhân

a) Việc xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gặp một số khó khăn khách quan, ảnh hưởng đến phạm vi và chất lượng rà soát: Một số nội dung liên quan đến các dự án Luật đang trong giai đoạn trình chính sách, chưa hoàn thiện dự thảo cụ thể, do đó chưa đủ cơ sở để đánh giá tác động và đề xuất sửa đổi đối với các TTHC tương ứng. Điều này ảnh hưởng đến tính đồng bộ giữa xây dựng chính sách pháp luật và cải cách TTHC.

b) Bên cạnh đó, cách hiểu, cách tiếp cận trong việc rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục giữa các đơn vị còn chưa thống nhất. Một số đơn vị còn lúng túng trong việc phân biệt giữa nội dung TTHC với quy định chuyên môn, kỹ thuật; TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và TTHC nội bộ, dẫn đến việc đề xuất còn thiếu chính xác hoặc chưa rõ ràng.

Trong quá trình rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa, một thực tế phát sinh là nhiều TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đồng thời cũng nằm trong phạm vi sửa đổi theo các chủ trương lớn về phân cấp, phân quyền được chỉ đạo thực hiện trước ngày 01/7/2025 theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ. Việc này dẫn đến tình trạng nội dung rà soát, đánh giá giữa các đầu mối, chương trình bị trùng lặp, thiếu sự phối hợp tổng thể. Do vậy, việc sửa đổi thẩm quyền giải quyết các TTHC này ở một văn bản mà chưa có điều kiện sửa đổi đồng bộ ở các văn bản liên quan sẽ dẫn đến tình trạng sửa từng phần, nhiều lần. Có những nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa có thể thực thi ngay, nhưng cũng có những nội dung phải chờ sửa đổi văn bản khác. Điều này không chỉ làm tăng khối lượng công việc mà còn dẫn đến lãng phí về nguồn lực và thời gian của các cơ quan, đơn vị soạn thảo, thẩm định cũng như đơn vị thực thi.

Trên đây là tình hình, kết quả rà soát, đề xuất Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT./. *nhu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Dũng
Lê Tấn Dũng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục I

**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC LIÊN QUAN
ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số **884** /BC-BGDĐT ngày **27** tháng **6** năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường
mầm non, nhà trẻ (1.012961)**

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường mầm non thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục.

Sửa đổi, bổ sung Điều 3; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền

của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **69,734** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **63,241** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **6,494** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **9,31 %**.

2. Thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

c) Bãi bỏ điều kiện “*Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*”.

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết.

d) Tích hợp, rút gọn điều kiện “*Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và phải bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một trẻ em theo quy định*” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “*Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi trẻ*”.

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục.

Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Bãi bỏ khoản 5 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **113,497** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **53,903** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **59,594** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **52,51** %.

3. Thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,055** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,35** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,705** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **66,82%**.

4. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 15 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,909** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,673** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,236** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **8,12%**.

5. Thủ tục Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012962)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày thành 05 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **150,489** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **129,189** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **21,3** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **14,15%**.

6. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012971)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

6.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 11 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.823,563** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **712,644** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1.110,919** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **60,92 %**.

7. Thủ tục Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (1.012972)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

7.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,931** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,494** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,03%**.

8. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012973)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,436** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,448** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,988** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

9. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012974)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

9.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,136** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,973** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,163** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,09%**.

10. Thủ tục Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *“Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).”*

Lý do: Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

b) Mẫu hóa thành phần hồ sơ: *Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.*

Lý do: Chuẩn hóa nội dung, hình thức văn bản, tránh tình trạng mỗi địa phương hoặc mỗi cơ sở giáo dục trình bày theo cách khác nhau, gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; đồng thời, phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ trực tuyến, giúp tích hợp biểu mẫu vào hệ thống Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống phần mềm quản lý ngành.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (sau đây viết tắt là Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).

Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,737** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,031** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,706** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,01 %**.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học thành một điều kiện chung: *“Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gọn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục.

Sửa đổi, bổ sung Điều 15; khoản 3 Điều 16 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **11,916** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,179** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **3,737** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31,36 %**.

2. Thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Tích hợp, rút gọn điều kiện *“Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây*

dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

c) Bãi bỏ điều kiện: *Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.*

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, ... thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế à điều kiện cứng là không phù hợp.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Bãi bỏ khoản 5 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **37,398** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **22,27** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **15,128** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,45%**.

3. Thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,231** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,927** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,304** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **24,37%**.

4. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019.

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,044** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,481** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,563** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,93%**.

5. Thủ tục Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,400** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,979** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,421** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,00%**.

6. Nhóm 02 thủ tục: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964); Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường trung học học thành một điều kiện chung: *“Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

6.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Sửa đổi, bổ sung Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,636** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,546** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **2,09** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,08%**.

7. Nhóm 02 thủ tục: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965); Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.012953)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Tích hợp, rút gọn điều kiện *“Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây*

dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

d) Bãi bỏ điều kiện: *Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.*

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, ... thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế là điều kiện cứng là không phù hợp.

7.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Bãi bỏ khoản 5 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,900** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,678** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **2,222** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,35%**.

8. Nhóm 02 thủ tục: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại (1.012966); Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại (1.012954)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

8.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,86** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,87** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,99** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,23%**.

9. Nhóm 02 thủ tục: Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967); Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012955)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

9.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019.

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,872** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,976** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

10. Nhóm 02 thủ tục: Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968); Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (1.012956)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,766** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,87** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,24%**.

11. Thủ tục Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *“Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”*.

Lý do: Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

b) Mẫu hóa thành phần hồ sơ: *Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận*.

Lý do: Chuẩn hóa nội dung, hình thức văn bản, tránh tình trạng mỗi địa phương hoặc mỗi cơ sở giáo dục trình bày theo cách khác nhau, gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; đồng thời, phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ trực tuyến, giúp tích hợp biểu mẫu vào hệ thống Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống phần mềm quản lý ngành.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

11.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **7,945** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **2,945** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,02 %**.

12. Thủ tục Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (1.012975)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

12.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **6,098** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **6,098** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

13. Thủ tục Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280)

13.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hiện nay đánh giá chủ yếu dựa trên hồ sơ hành chính và tiêu chí đầu vào (điều kiện vật chất, hồ sơ, quy mô), chưa thực sự phản ánh chất lượng giáo dục thực chất của nhà trường. Các trường phổ thông hiện nay đã phải thực hiện nhiều cơ chế đánh giá, bao gồm: đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng kết quả học tập, khảo sát giáo dục (như PISA), cũng như sự giám sát thường xuyên từ cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục các cấp. Việc thêm một thủ tục công nhận trường đạt chuẩn quốc gia không bổ sung giá trị thực chất mà gây chồng chéo, gia tăng thủ tục và áp lực hành chính cho các trường, nhất là trong bối cảnh tăng cường tự chủ của cơ sở giáo dục.

Lý do: Đảm bảo quy định TTHC rõ ràng, minh bạch.

13.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục năm 2019.

Bãi bỏ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công

nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT);

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT);

Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **203,475** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **203,475** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

14. Thủ tục Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288)

14.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hiện nay đánh giá chủ yếu dựa trên hồ sơ hành chính và tiêu chí đầu vào (điều kiện vật chất, hồ sơ, quy mô), chưa thực sự phản ánh chất lượng giáo dục thực chất của nhà trường. Các trường phổ thông hiện nay đã phải thực hiện nhiều cơ chế đánh giá, bao gồm: đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng kết quả học tập, khảo sát giáo dục (như PISA), cũng như sự giám sát thường xuyên từ cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục các cấp. Việc thêm một thủ tục công nhận trường đạt chuẩn quốc gia không bổ sung giá trị thực chất mà gây chồng chéo, gia tăng thủ tục và áp lực hành chính cho các trường, nhất là trong bối cảnh tăng cường tự chủ của cơ sở giáo dục.

14.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục năm 2019.

Bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công

nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT);

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **224,73** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **224,73** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

15. Thủ tục Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (1.000691)

15.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hiện nay đánh giá chủ yếu dựa trên hồ sơ hành chính và tiêu chí đầu vào (điều kiện vật chất, hồ sơ, quy mô), chưa thực sự phản ánh chất lượng giáo dục thực chất của nhà trường. Các trường phổ thông hiện nay đã phải thực hiện nhiều cơ chế đánh giá, bao gồm: đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng kết quả học tập, khảo sát giáo dục (như PISA), cũng như sự giám sát thường xuyên từ cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục các cấp. Việc thêm một thủ tục công nhận trường đạt chuẩn quốc gia không bổ sung giá trị thực chất mà gây chồng chéo, gia tăng thủ tục và áp lực hành chính cho các trường, nhất là trong bối cảnh tăng cường tự chủ của cơ sở giáo dục.

15.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục năm 2019.

Bãi bỏ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT);

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **336,255** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **336,255** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

16. Thủ tục Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (1.005143)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ 07 điều kiện kinh doanh về: Cơ sở vật chất, thiết bị; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, sử dụng và quản lý học phí tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi tắt là Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg).

Lý do: Các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đã được quy định chi tiết tại các văn bản chuyên ngành; việc duy trì điều kiện “phải được kiểm định” là không còn cơ sở pháp lý rõ ràng, dễ tạo rào cản không cần thiết trong hoạt động đăng ký dạy và học bằng tiếng nước ngoài; các quy định về học phí, quản lý, sử dụng học phí là nội dung điều hành nội bộ và được quy định cụ thể về quản lý, sử dụng học phí của Chính phủ.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng; Tích hợp thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị và Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg.

Lý do: Cả hai loại giấy tờ đều thể hiện nguyện vọng, mục tiêu, nội dung triển khai và cam kết của cơ sở giáo dục, do đó nội dung Đề án được xây dựng kèm theo Văn bản đề nghị, không tách thành 2 thành phần hồ sơ riêng biệt.

c) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: từ tổng thời gian 20 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

16.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung các Điều 5, 7, 8, 9, 10 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **36,551** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **21,72** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **14,83** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,57 %**.

17. Thủ tục Thông báo đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (3.000415)

17.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 điều kiện: *Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.*

Lý do: Việc yêu cầu có “đề án” là một hình thức kê khai, trình bày kế hoạch nội bộ, đây là thành phần hồ sơ của TTHC.

b) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết TTHC.

Lý do: Đảm bảo quy định TTHC rõ ràng, minh bạch.

17.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT).

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,931** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,536** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,395** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **47,59 %**.

18. Thủ tục Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (2.002756)

18.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 điều kiện: *Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.*

Lý do: Việc yêu cầu có “đề án” là một hình thức kê khai, trình bày kế hoạch nội bộ, đây là thành phần hồ sơ của TTHC.

b) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết TTHC.

Lý do: Đảm bảo quy định TTHC rõ ràng, minh bạch.

18.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT .

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,931** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,536** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,395** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **47,59 %**.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “*Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

Lý do: Đã đề xuất bãi bỏ trong phần điều kiện.

c) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 08 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 43 và điểm d khoản 2 Điều 44; Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Bãi bỏ điểm d khoản 2; điểm d khoản 3 Điều 32; sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.155,887** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **630,887** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **525** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,4%**.

2. Thủ tục Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000316)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 45 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,74** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,879** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,861** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **47.2%**.

3. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000317)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Còn điều kiện có Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thực*”.

Lý do: Việc thống nhất giữa các nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập là quan hệ nội bộ, được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự hoặc điều lệ hoạt động của trung tâm tư thực, không cần thẩm tra nội dung này.

c) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi khoản 1; điểm b khoản 4 Điều 46 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 34 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,668** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,579** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,089** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5,25%**.

4. Thủ tục Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (1.012957)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Đề án giải thể trung tâm*”.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 15 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ quy định “Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định này)” tại điểm b khoản 3 Điều 47; Sửa đổi khoản 4 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Bãi bỏ quy định “Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này)” tại điểm b khoản 2 Điều 36; Sửa đổi khoản 3 Điều 35 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **18,395** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5,27** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **13,125** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **71,35 %**.

5. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000311)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: “*Có chương trình, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”; “*Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

Bãi bỏ hai điều kiện nêu trên không ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý nhà nước nếu tăng cường hậu kiểm và hướng dẫn thực hiện theo mẫu thống nhất.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b, d khoản 1 Điều 32 và d khoản 2 Điều 33; Sửa đổi khoản 3 Điều 33 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 2 Điều 24 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,067** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,973** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,094** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **35.66%**.

6. Thủ tục Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000312)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

6.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 25 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,282** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,282** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

7. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000313)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Còn điều kiện có Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

7.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35; sửa đổi khoản 4 Điều 35 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,973** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,098** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,875** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **44.3%**.

8. Thủ tục Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000314)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 02 trường hợp giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: *“Hết thời hạn đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ”*; *“Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”*.

Lý do: Việc không khắc phục nguyên nhân đình chỉ là cơ sở để tiếp tục đình chỉ hoặc thu hồi quyết định thành lập, chứ không nhất thiết phải quy định thành một căn cứ riêng để giải thể. Mặt khác, quyết định giải thể cần dựa trên các vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc theo đề nghị tự nguyện của tổ chức. Việc quy định căn cứ giải thể mang tính chủ quan sẽ tạo rào cản không cần thiết đối với quyền hoạt động của các trung tâm giáo dục.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

8.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 36; sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,689** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,033** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,656** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **38.9 %**.

9. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “*Có chương trình giáo dục, kế hoạch học tập, tài liệu học tập phù hợp với các hoạt động giáo dục tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 12 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

9.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 37; sửa đổi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,311** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,223** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,088** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **28.2 %**.

10. Thủ tục Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.012970)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,935** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,935** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

11. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

11.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,649** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,993** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,656** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39.8%**.

12. Thủ tục Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (3.000308)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 trường hợp giải thể trung tâm học tập cộng đồng: *Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.*

Lý do: Quyết định giải thể cần dựa trên các vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc theo đề nghị tự nguyện của tổ chức. Việc quy định căn cứ giải thể mang tính chủ quan sẽ tạo rào cản không cần thiết đối với quyền hoạt động của các trung tâm giáo dục.

b) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

12.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm c Khoản 1 Điều 41; Sửa đổi khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,218** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,518** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,7** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31.6 %**.

13. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (1.012957)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ điều kiện: *Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Tích hợp và rút gọn 05 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật tại khoản 2 Điều 48 thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục đã được quy định rõ tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 35/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT). Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

c) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 12 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

13.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ khoản 5 Điều 48; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **18,395** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **10,408** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **7,897** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **34,27%**.

14. Thủ tục Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại (3.000318)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

14.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 50 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,574** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,574** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

15. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (3.000319)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ điều kiện: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết. Đồng thời, bãi bỏ các điều kiện chung chung, khó định lượng.

b) Tích hợp và rút gọn 05 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục đã được quy định rõ tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 35/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT). Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

c) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

15.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục 2019.

Bãi bỏ khoản 5 Điều 48; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 51 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 38 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,25** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **3,25** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,4 %**.

16. Thủ tục Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000320)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

16.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi khoản 4 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 39 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,619** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,619** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

17. Thủ tục Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (1.000729)

17.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa 02 điều kiện về:

+ *Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên: Bỏ các tiêu chí đánh giá về trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học;*

+ *Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động: Bỏ tiêu chí chất lượng giáo dục, đào tạo.*

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

17.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung mục III và nhóm tiêu chí II, IV tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,892** triệu đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,83** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **2,062** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **35%**.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên (1.012958)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: *“Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gọn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 70; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,318** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,268** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,05** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,3%**.

2. Thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 27: “*d) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.*”

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, ... thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế à điều kiện cứng là không phù hợp.

c) Tích hợp, rút gọn điều kiện “*Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định*” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “*Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh*”.

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi Điều 72, khoản 1 Điều 27; bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,45** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,34** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,11** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,31%**.

3. Thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại (1.004988)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,931** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,441** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,49** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,63%**.

4. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (1.004999)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,872** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,976** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

5. Thủ tục Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (1.004991)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,261** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,271** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,99** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,79%**.

6. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (3.000301)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: *“Trường dành cho người khuyết tật được thành lập ở cấp học mầm non và phổ thông khi có đề án phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

6.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều 80; khoản 3 Điều 81 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,188** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,438** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,75** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **34,28%**.

71. Thủ tục Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (3.000302)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bỏ điều kiện: “*Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*” tương ứng với từng cấp học.

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, ... thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

c) Tích hợp, rút gọn điều kiện “*Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định*” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học (tương tự đã đề xuất tại các thủ tục cho phép hoạt động trường tiểu học, trường trung học).

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

d) Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục đã được quy định rõ tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 35/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT). Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

7.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm a, b, c khoản 3 Điều 82, khoản 3 Điều 83, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,34** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,03** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,31** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,22%**.

8. Thủ tục Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại (3.000303)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

8.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,181** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,66** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,521** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **44,03%**.

9. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (3.000304)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc và 20 ngày thành 20 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

9.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,728** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,158** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,57** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **32,99%**.

10. Thủ tục Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000305)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,75** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,01** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,74** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **42,29%**.

11. Nhóm 02 thủ tục: Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (3.000306); Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 20 ngày thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục đã được quy định rõ tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 35/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT). Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

11.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 4 Điều 85; khoản 3 Điều 82 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,762** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,282** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,48** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,34%**.

12. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (1.012959)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: *“Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gọn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

12.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 75; khoản 3 Điều 76 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 49 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,182** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,822** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,36** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,59%**.

13. Thủ tục Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục (3.000297)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ điều kiện: *“Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường”* tương ứng với từng cấp học.

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, ... thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

b) Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học (tương tự đã đề xuất tại các thủ tục cho phép hoạt động trường tiểu học, trường trung học).

Lý do: Rà soát, rút gọn, tích hợp các điều kiện có nội dung tương đồng, tránh quy định tách rời gây chồng chéo, khó thực hiện. Nếu để thành điều kiện riêng, dễ dẫn đến hiểu nhầm rằng yêu cầu về diện tích sàn là điều kiện bổ sung riêng biệt, không gắn với điều kiện về cơ sở vật chất chung. Việc tích hợp giúp làm rõ đây là một hình thức thay thế tương đương, không phải yêu cầu kép.

c) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

13.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, Điều 77, khoản 3 Điều 78 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi khoản 3 Điều 50 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,346** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,886** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,46** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,63%**.

14. Thủ tục Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại (3.000298)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

14.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,187** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,527** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,66** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **55,60%**.

15. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (3.000299)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

Lý do: Thống nhất đơn vị thời gian giải quyết TTHC để tạo thuận lợi điện tử hóa quy trình giải quyết TTHC, đồng thời đảm bảo cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

15.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,728** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,748** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,98** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **56,71%**.

16. Thủ tục Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000300)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

16.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,75** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,14** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,61** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **34,86%**.

17. Thủ tục Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1.000181)

17.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ: “*Giấy phép đăng ký kinh doanh*”; “*Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện*”

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm các thành phần hồ sơ đã có trong cơ sở dữ liệu, đơn giản hóa TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

17.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b, điểm d khoản 2 Điều 7; sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,654** triệu đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,413** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,241** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,81** %.

18. Thủ tục Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1.001000)

18.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện*”.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết, đơn giản hóa TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

18.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 8; sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **21,982** triệu đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **12,357** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **9,625** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,79** %.

V. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Thủ tục Chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục (1.001968)

1.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30 ngày làm việc.

Lý do: Do loại hình trường này đã không còn được quy định từ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2018. Ngày 28/4/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 848/QĐ-TTg về việc chuyển đổi trường đại học dân lập Phương Đông sang loại hình trường đại học tư thục (đây là trường đại học dân lập cuối cùng còn tồn tại đã hoàn thành việc chuyển đổi sang trường đại học tư thục). Do đó, Bộ GDĐT đã đề xuất bãi bỏ TTHC này do không còn đối tượng thực thi.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ Thông tư số 45/2014/TT-BGDĐT ngày 17/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,506** triệu đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **5,506** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

VI. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000939)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển điều kiện: “*Đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.*” sang điều kiện cho phép hoạt động.

b) Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT; tích hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ.

Lý do: Các điều kiện này quy định chưa cụ thể, rõ ràng, chỉ nhắc đến các đầu mục cơ sở vật chất cần phải có, chưa có tiêu chuẩn như thế nào, do đó, khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định vẫn cần căn cứ theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất của Bộ GDĐT. Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy

chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

c) Giảm thời gian giải quyết tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc; điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc; điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2018/NĐ-CP);

Sửa đổi điểm a, c khoản 18, điểm b, c khoản 19, điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **14,48** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **10,15** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **4,33** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,86%**.

2. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000716)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Gộp điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP thành 1 hồ sơ gồm Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục kèm theo Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu số tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn đề thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ).

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,319** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,489** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,83** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **35,79%**.

3. Thủ tục Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ quy định thành phần hồ sơ về văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có.

Lý do: TTHC đã phân cấp về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các thành phần hồ sơ này không cần thiết quy định.

b) Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT; tích hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ.

Lý do: Các điều kiện này quy định chưa cụ thể, rõ ràng, chỉ nhắc đến các đầu mục cơ sở vật chất cần phải có, chưa có tiêu chuẩn như thế nào, do đó, khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định vẫn cần căn cứ theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

c) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,669** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,144** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,525** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **19,67%**.

4. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Rút gọn 06 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đối với cơ sở giáo dục mầm non thành 01 điều kiện chung: *“Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*.

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Do đó, dẫn chiếu về các quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học cơ sở giáo dục mầm non.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,669** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,144** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,525** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **19,67%**.

5. Thủ tục Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000718)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ “trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Nghị định này” và điều chỉnh thành theo Mẫu sốtại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn để thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ).

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc; sửa “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ...” thành “03 ngày làm việc”.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

5.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,226** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,326** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,9** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,36%**.

6. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.006446)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ điều kiện: *Có Quyết định thành lập cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài; hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài.*

Lý do: Quyết định thành lập, cho phép thành lập được quản lý, lưu trữ tại cơ quan nhà nước về giáo dục, do đó, đây không phải là điều kiện thể hiện năng lực hoạt động đào tạo, mà chỉ là điều kiện hành chính - mang tính hình thức.

Việc bãi bỏ giúp giảm chồng chéo giữa các giai đoạn, đồng thời góp phần giảm số lượng điều kiện, phù hợp với chủ trương cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh, điều kiện hành chính

b) Bỏ điều kiện: *Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy định của pháp luật.*

Lý do: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi Cơ sở giáo dục đi vào hoạt động, mặt khác, QC này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép cơ sở giáo dục hoạt động là chưa cần thiết.

Điều kiện này mang tính hình thức, vì nếu đã có quyết định thành lập, quy chế tổ chức là nội dung nội bộ của trường không nên là điều kiện để cấp phép đào tạo.

c) Điểm a khoản 6 bổ sung Điều 46 Nghị định 86/2018: bỏ cụm từ “*Chương trình môn học*”, chỉ giữ lại “*nội dung giáo dục bắt buộc*”

Lý do: Đối với người học là công dân Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài chỉ cần xây dựng các chuyên đề học tập có thể tích hợp nội dung của nhiều môn học, không nhất thiết phải thành các môn học riêng biệt, giảm hồ sơ thuận tiện cho các nhà trường xây dựng nội dung, thuận tiện cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, giảm thời gian với nhà trường).

d) Khoản 2 Điều 48 Nghị định 86/2018/NĐ-CP: Trong thời hạn 20 ngày làm việc và điểm c mục 28 Điều 1 Nghị định 124/2024/NĐ-CP: sửa “*trong thời hạn 30 ngày (đối với hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam)*”, thành “*20 ngày*”; Sửa “*trong thời hạn 05 ngày làm việc*” thành “*03 ngày làm việc*”; Sửa “*trong thời hạn 05 ngày làm việc*” thành “*03 ngày làm việc*”.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

6.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **47,77** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **41,08** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **6,69** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **14%**.

7. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.001495)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

7.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,231** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,531** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,7** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31,38%**.

8. Nhóm 02 thủ tục: Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008722); Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008723)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)*”; “*Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)*”.

Lý do: Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

b) Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

8.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **29,3** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **23,08** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **6,22** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **21,23%**.

9. Nhóm 02 thủ tục: Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008720); Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008721)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *“Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”*; *“Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”*.

Lý do: Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

9.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi Điều 6, 7 Nghị định 84/2020/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **7,79** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **5,17** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **2,62** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **33,63%**.

10. Thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (2.000130)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 03 điều kiện:

- *Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng;*
- *Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;*
- *Có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện hợp pháp và bảo đảm trật tự, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ Khoản 3, 4, 5, Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2025/NĐ-CP).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,8** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,51** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,29** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **46%**.

11. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (1.000159)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

11.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi bổ sung Điều 60 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,5** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,18** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,32** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,71%**.

12. Thủ tục Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)

12.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay thủ tục Thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do đó, việc văn phòng đại diện đăng ký hoạt động với Sở Giáo dục và Đào tạo tại nơi Văn phòng đặt trụ sở không còn cần thiết.

12.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi bổ sung Điều 59 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,22** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,22** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

13. Thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản.
- b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

13.2. Kiến nghị thực thi

- a) Sửa đổi bổ sung Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.
- b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **13,68** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,62** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **5,06** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37%**.

VII. HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Nhóm 03 thủ tục liên quan đến liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729); Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691); Chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) *Phương án 1:* Thay thế nhóm thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành thủ tục đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Giám đốc Sở GDĐT. Theo đó:

- Cụ thể hóa các yêu cầu điều kiện;
- Giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 05 ngày làm việc;

- Bổ quy định về thời hạn liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Do đó, bãi bỏ thủ tục gia hạn hoạt động liên kết tổ chức thi.

Lý do:

- Phân cấp việc phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài cho Sở GDĐT để giảm áp lực cho Bộ GDĐT và bảo đảm vai trò quản lý nhà nước của các địa phương trên địa bàn.

- Các hoạt động liên kết thi thường diễn ra vào ngày nghỉ, ngày cuối tuần.

- Giảm áp lực cho các bên liên kết, doanh nghiệp.

b) *Phương án 2*: Bãi bỏ nhóm TTHC này, thay bằng quy định trách nhiệm thông báo địa điểm liên kết tổ chức thi khi đáp ứng các yêu cầu. Theo đó:

- Bãi bỏ 09 quy định điều kiện kinh doanh của nhóm TTHC này;

- Cắt giảm tổng thời gian giải quyết nhóm TTHC này là 25 ngày làm việc và 20 ngày.

Lý do: Việc liên kết tổ chức thi cơ bản tuân thủ quy định chặt chẽ của các cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) *Đối với Phương án 1*:

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật, cụ thể:

+ Luật Đầu tư: Hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không có trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV (chỉ có Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài). Do đó, cần bổ sung vào Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Luật Giáo dục không coi hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục tại Việt Nam: Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108, bổ sung liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục tại Việt Nam.

- Sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP tại:

+ Khoản 2 Điều 18; khoản 4 Điều 20 “*Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải được công nhận hợp pháp ở nước sở tại và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới.*”;

+ Khoản 2 Điều 21 (Yêu cầu quy cách của hồ sơ cụ thể hơn);

+ Khoản 2 Điều 22: Sửa thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành

Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy phép đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Từ đó sửa các nội dung liên quan.

+ Điểm b, khoản 2 Điều 23: Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 5 ngày làm việc (nếu chuyển thành thủ tục đăng ký).

+ Điều 24: Bỏ quy định thời hạn liên kết.

- Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT).

b) Đối với Phương án 2:

- Bãi bỏ các quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT.

c) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

a) Phương án 1: Thay thế thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định thành thủ tục đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy phép

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **418,808** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **128,308** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **290,5** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **69%**.

b) Phương án 2: Bãi bỏ nhóm thủ tục liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **418,808** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **418,808** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

2. Thủ tục Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa, tích hợp 03 điều kiện về đội ngũ nhà giáo thành 1 điều kiện chung và dẫn chiếu đến Điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp

ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Việc các điều kiện mang tính kỹ thuật được dẫn chiếu về tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, cơ quan thực thi có thể dễ dàng đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

Sửa đổi Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **25,642** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **16,42** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **11,025** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43%**.

3. Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ các điều kiện đã công bố: Các bên liên kết thực hiện đúng quy định trong quyết định phê duyệt liên kết; Không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

Lý do: Các điều kiện thực hiện TTHC, vì nội dung này là trách nhiệm của các bên LK, không phải điều kiện kinh doanh; để có được Quyết định phê duyệt liên kết giáo dục đã bao hàm điều kiện Không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 10 ngày làm việc xuống 06 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Chuẩn hóa công bố thủ tục Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497).

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

c) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,992** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,412** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,58** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,38%**.

VIII. Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 03 điều kiện:

- *Có trụ sở hoạt động ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức hoạt động tư vấn du học; tài liệu giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tài liệu tư vấn thông tin về trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ đào tạo.*

- *Có đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học đáp ứng các yêu cầu sau:*

+ *Có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương;*

+ *Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định.*

Lý do: Các điều kiện này chung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 116, 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **294,15** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **173,604** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **120,546** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,98%**.

2. Thủ tục Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (2.001987)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **98,05** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **61,77** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **36,28** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37%**.

3. Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.012960)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **49,25** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **49,25** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

IX. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên (1.000259)

1.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Kiểm định chất lượng do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cung cấp, thực hiện. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, việc bắt buộc phải thực hiện kiểm định để đáp ứng các quy định hành chính sẽ tạo thêm gánh nặng, không phù hợp với mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

Bãi bỏ Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **19,226** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **19,226** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

2. Thủ tục Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000713)

2.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Kiểm định chất lượng do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cung cấp, thực hiện. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, việc bắt buộc phải thực hiện kiểm định để đáp ứng các quy định hành chính sẽ tạo thêm gánh nặng, không phù hợp với mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

Bãi bỏ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **205,11** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **205,11** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

3. Thủ tục Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000715)

3.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Kiểm định chất lượng do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cung cấp, thực hiện. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, việc bắt buộc phải thực hiện kiểm định để đáp ứng các quy định hành chính sẽ tạo thêm gánh nặng, không phù hợp với mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

Bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **221,46** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **221,46** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

4. Thủ tục Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000711)

4.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh.
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

Lý do: Kiểm định chất lượng do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cung cấp, thực hiện. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, việc bắt buộc phải thực hiện kiểm định để đáp ứng các quy định hành chính sẽ tạo thêm gánh nặng, không phù hợp với mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

Bãi bỏ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT;

Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **330,36** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **330,36** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

X. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thủ tục Thành lập trường cao đẳng sư phạm (1.012983)

1.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày.

Lý do: TTHC không có hồ sơ phát sinh trong nhiều năm.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi Điều 52 Luật Giáo dục.

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 1, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,889** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **3,889** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

2. Thủ tục Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực (2.000632)

2.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,785** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,785** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000252)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “*Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định*”; “*Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như*

sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”;

b) Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2016/NĐ-CP);

Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP);

Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2019/NĐ-CP);

Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **669,294** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **341,169** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **328,125** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **49,03 %**.

4. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000249)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

b) Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên

cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2.109,313** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.190,563** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **918,750** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,5 %**.

5. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh: *“Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có*

thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

b) Đơn giản hóa 02 điều kiện kinh doanh: “Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **670,1** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **341,975** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **328,125** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **49 %**.

6. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tin chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

b) Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

6.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2.115,875** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.197,125** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **918,75** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,4 %**.

7. Thủ tục Cho phép thành lập trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000145)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.*

Lý do: Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

7.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,232** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,992** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,24** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **23,7 %**.

8. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng (1.000611)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.*

Lý do: Điều kiện này là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, không có tiêu chí, chỉ số, hoặc công cụ cụ thể để đánh giá việc đáp ứng điều kiện này. Do đó, không đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

8.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,565** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **7,16** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,405** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **16,4 %**.

9. Thủ tục Công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000561)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.*

Lý do: Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

9.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,421** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,464** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **24,62 %**.

10. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung

tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.000099)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.*

Lý do: Điều kiện này là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, không có tiêu chí, chỉ số, hoặc công cụ cụ thể để đánh giá việc đáp ứng điều kiện này. Do đó, không đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

10.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,038** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,574** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,464** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **15,27 %**.

11. Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000509)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.*

Lý do: Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

11.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,701** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,812** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,889** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **24,02 %**.

12. Thủ tục Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000482)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.*

Lý do: Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

12.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,489** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,396** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **21,01** %.

13. Thủ tục Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng(1.010924)

13.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

13.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;

Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **20,364** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **20,364** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

14. Thủ tục Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng (2.001686)

14.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

14.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,507** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,507** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

15. Thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (1.000177)

15.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 13; bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;

Bãi bỏ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,907** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,907** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

16. Thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000154)

16.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

16.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 13 bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;

Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,907** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,907** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

17. Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn (1.010927)

17.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

17.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Bãi bỏ Điều 9 ND số 143/2016/NĐ-CP;

Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;

Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;

Sửa đổi Điều 56 Phụ lục I kèm theo ND số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,454** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **3,454** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

18. Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.000266)

18.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

18.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

Bãi bỏ Điều 59 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: Sau khi Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi được ban hành.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,507** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **1,507** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

19. Thủ tục Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực (1.010593)

19.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

19.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

19.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,643** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,643** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

20. Thủ tục Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010581)

20.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

20.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

20.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,77** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **8,770** triệu đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

21. Thủ tục Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010594)

21.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

21.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

21.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,643** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,643** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

22. Thủ tục Công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực (1.010580)

22.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

22.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

22.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,77** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **8,77** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

23. Thủ tục Công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục (1.010582)

23.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

23.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

23.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **6,583** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **6,583** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

24. Thủ tục Thôi công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục (1.010583)

24.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

24.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

24.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,395** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **4,395** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

25. Thủ tục Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục (1.010595)

25.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

25.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

25.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,435** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,435** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

26. Thủ tục Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực (1.010596)

26.1. Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

26.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

26.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,354** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,354** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

27. Thủ tục Đổi tên trường cao đẳng (1.002864)

27.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30 ngày làm việc.

Lý do: Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm không quy định TTHC này.

27.2. Kiến nghị thực thi

a) Chuẩn hoá TTHC trên tại danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

27.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,704** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,704** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

XI. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thủ tục Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000286)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.*

Lý do: Điều kiện “Phẩm chất đạo đức tốt” và “đủ sức khỏe” là các tiêu chí mang tính định tính, khó lượng hóa, không quy định rõ tiêu chuẩn, cơ quan đánh giá, phương pháp đánh giá..

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 49/2018/NĐ-CP).

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **407,216** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **407,216** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000298)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.*

Lý do: Điều kiện “Phẩm chất đạo đức tốt” và “đủ sức khỏe” là các tiêu chí mang tính định tính, khó lượng hóa, không quy định rõ tiêu chuẩn, cơ quan đánh giá, phương pháp đánh giá..

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Bãi bỏ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,227** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,198** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0,029** triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **12,78 %**.

3. Thủ tục Cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi nguyên nhân bị đình chỉ được khắc phục (1.000293)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Tăng cường giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

b) Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,337** triệu đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,337** triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0** %.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục II
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN RÀ SOÁT, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
*(Kèm theo Báo cáo số **884** /BC-BGDDT ngày **27** tháng **6** năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
I	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non									
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012961)	Giáo dục mầm non	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc. 2. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường mầm non thành một điều kiện chung.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	15 ngày và 10 ngày làm việc	14 ngày làm việc	44	69,734	63,241	9,31

¹ Để tính tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết, Bộ GDĐT quy đổi thành đơn vị chung là “ngày” theo lịch như sau:
- Thời gian giải quyết TTHC tính theo tháng thì cứ mỗi tháng đổi thành 30 ngày;
- Thời gian giải quyết TTHC tính theo ngày làm việc thì tính như ngày theo lịch.

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP						
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)	Giáo dục mầm non	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc. 2. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản. 3. Bãi bỏ điều kiện “<i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường</i>”. 4. Gộp điều kiện vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 6; bãi bỏ khoản 5 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày và 10 ngày làm việc	14 ngày làm việc		113,49 7	53,903	52,51
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà	Giáo dục	1. Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 7	07 ngày	05 ngày	28,57	1,055	0,35	66,82

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)	mầm non	2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc.	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc	làm việc				
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)	Giáo dục mầm non	1. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC 14 ngày làm việc. 3. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 15 ngày làm việc	14 ngày làm việc		2,909	2,673	8,12

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012962)	Giáo dục mầm non	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc. 2. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày	07 ngày	30	150,48 9	129,18 9	14,15
6	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “ <i>Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</i> ” 2. Mẫu hóa thành phần hồ sơ: <i>Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang</i>	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	21,43	4,737	3,031	36,01

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc.							
7	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012971)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 11 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	50	1.823,563	712,644	60,92
8	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (1.012972)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc		0,931	0,438	53,03

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.						
9	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012973)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc. 2. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 10 ngày làm việc	10 ngày làm việc		2,436	1,448	40,56
10	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012974)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày. 2. Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày	07 ngày	30	3,136	1,973	37,09
II	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông									

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
11	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)	Giáo dục tiểu học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc. 2. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học thành một điều kiện chung.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 15; khoản 3 Điều 16 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ- CP.	15 ngày và 10 ngày làm việc	15 ngày làm việc		11,916	8,179	31,36
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)	Giáo dục tiểu học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 01 điều kiện: <i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019. 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 17; Sửa đổi, bổ sung	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	43,33	37,398	22,27	40,45

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			3. Gộp điều kiện vào cùng điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.						
13	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)	Giáo dục tiểu học	1. Bổ sung quy định gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 04 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc		1,231	0,927	24,37
14	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)	Giáo dục tiểu học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d	15 ngày và 10 ngày	15 ngày làm việc	40	5,044	3,481	30,93

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			- xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.	khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
15	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)	Giáo dục tiểu học	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày	10 ngày		1,4	0,979	30
16	Thành lập hoặc cho phép thành	Giáo dục		1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của	20 ngày	17 ngày		2,318	1,273	45,08

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964)	trung học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường trung học học thành một điều kiện chung.	Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	và 10 ngày làm việc	làm việc				
17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944)	Giáo dục trung học		3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	43,33	2,318	1,273	45,08
18	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều	Giáo dục trung học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm d	20 ngày và 10 ngày	17 ngày làm việc	43,33	2,45	1,339	45,35

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965)		2. Bãi bỏ 01 điều kiện: <i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.</i> 3. Gộp điều kiện vào cùng điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019. 2. Bãi bỏ 5 Điều 27; Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
19	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.012953)	Giáo dục trung học			20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc		2,45	1,339	45,35
20	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1. Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc		0,93	0,435	53,23

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	hoạt động giáo dục trở lại (1.012966)			Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.						
21	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại (1.012954)	Giáo dục trung học			07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	28,57	0,93	0,435	53,23
22	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967)	Giáo dục trung học	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học;</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc		2,436	1,448	40,56

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
23	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012955)	Giáo dục trung học	<i>Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i>	định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc		2,436	1,448	40,56
24	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968)	Giáo dục trung học	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP.	20 ngày	10 ngày		2,383	1,448	39,24

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
25	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (1.012956)	Giáo dục trung học			20 ngày	10 ngày	50	2,383	1,448	39,24
26	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “ <i>Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i> ”.	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc		7,945	5	37,02

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)		2. Mẫu hóa thành phần hồ sơ: <i>Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</i> 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc.							
27	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiêu học (1.012975)	Cơ sở giáo dục khác	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày	07 ngày	30	6,098	6,098	0
28	Thông báo đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ	1. Bãi bỏ 01 điều kiện: <i>Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.</i>	Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 3; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và	Không quy định	Bổ sung		2,931	1,536	47,59

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	dân tộc thiểu số (3.000415)	thông giáo dục quốc dân	2. Bổ sung quy định thời hạn giải quyết TTHC.	cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT.						
29	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (2.002756)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Bãi bỏ 01 điều kiện: <i>Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.</i> 2. Bổ sung quy định thời hạn giải quyết TTHC	Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 3; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT.	Không quy định	Bổ sung		2,931	1,536	47,59
30	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ tục tại Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	1. Bãi bỏ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 2. Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	0	100	203,475	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
		quốc dân								
31	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ tục tại Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	1. Bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 2. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	0	100	224,73	0	100
32	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (1.000691)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ tục tại Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	1. Bãi bỏ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 2. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	0	100	336,25 5	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ^I (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
33	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (1.005143)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Bỏ 07 điều kiện kinh doanh về: Cơ sở vật chất, thiết bị; Kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, sử dụng và quản lý học phí 2. Bỏ 01 thành phần hồ sơ: giấy chứng nhận kiểm định chất lượng 3. Tích hợp 02 thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị và Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài 4. Chuyển nộp/nhận trả hồ sơ trực tiếp sang nộp/nhận trả hồ sơ trực tuyến 5. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: từ tổng thời gian 20 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc	Sửa đổi, bổ sung các Điều 5, 7, 8, 9, 10 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg.	20 ngày làm việc	12 ngày làm việc	40	36,551	21,72	40,57
III	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học									

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
34	Chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục (1.001968)	Giáo dục đại học	Bãi bỏ TTHC.	Bãi bỏ Thông tư số 45/2014/TT-BGDĐT ngày 17/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục.	30 ngày làm việc	0	100	5,506	0	100
IV	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên									
35	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “ <i>Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm</i> ”. 2. Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “ <i>Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền</i> ”.	1. Bãi bỏ khoản 4 Điều 43 và điểm d khoản 2 Điều 44; Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Bãi bỏ điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 32; Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị	10 ngày và 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc	46,67	1.155,887	630,887	45,4

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm”.</i> 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 08 ngày làm việc. 4. Đã bỏ TPHS: Đối với trung tâm trực thuộc đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm nằm ngoài khuôn viên nhà trường và trung tâm do tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đề nghị thành lập trung tâm tại điểm d khoản 2 Điều 44 Nghị định số 125/2024/ND-CP. (Điều 32	định số 142/2025/ND-CP.						

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			Nghị định số 142/2025/NĐ-CP)							
36	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000316)	Giáo dục thường xuyên	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 04 ngày làm việc.	1. Sửa đổi khoản 1; điểm c khoản 3 Điều 45 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	42,85	1,74	0,879	47.2
37	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000317)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: <i>Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.</i> 2. Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: <i>"Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc"</i>	1. Sửa đổi khoản 1; điểm b khoản 4 Điều 46 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 34 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày làm việc	33,33	1,668	1,579	5,25

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thực</i> . 3. Quy định tổng thời gian giải quyết có 10 ngày làm việc.							
38	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (1.012957)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “ <i>Đề án giải thể trung tâm</i> ”. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc.	1. Bãi bỏ quy định “ <i>Đề án giải thể trung tâm</i> ” tại điểm b khoản 3 Điều 47; Sửa đổi khoản 4 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Bãi bỏ quy định “ <i>Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này)</i> ” tại điểm b khoản 2 Điều 35; sửa đổi khoản 3 Điều 35 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày làm việc và 10 ngày	15 ngày làm việc	25	18,395	5,27	71,35
39	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm	Giáo dục	1. Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: “ <i>Có chương trình, tài liệu giảng dạy và học tập đáp</i> ”	1. Bãi bỏ điểm b, d khoản 1 Điều 32 và d khoản 2 Điều 33; Sửa	15 ngày và 05	15 ngày	25	3,067	1,973	35,66

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000311)	thường xuyên	<i>ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> ; “ <i>Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm</i> ”. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc.	đổi khoản 3 Điều 33 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 24 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	ngày làm việc	làm việc				
40	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000312)	Giáo dục thường xuyên	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 04 ngày làm việc.	1. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 25 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	42,85	0,282	0,282	0
41	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung	Giáo dục	1. Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: <i>Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất</i>	1. Bãi bỏ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35; Sửa đổi khoản 4 Điều 35	15 ngày và 05 ngày	10 ngày	25	1,973	1,098	44.3

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000313)	thường xuyên	<i>lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc.	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 26 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc	làm việc				
42	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000314)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 02 trường hợp giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: “ <i>Hết thời hạn đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ</i> ”; “ <i>Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội</i> ”. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc.	1. Bãi bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày làm việc	25	1,689	1,033	38.9

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
43	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (1.000729)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Đơn giản hóa 02 điều kiện về: + <i>Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên: Bỏ các tiêu chí đánh giá về trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học;</i> + <i>Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động: Bỏ tiêu chí chất lượng giáo dục, đào tạo.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc.	Sửa đổi, bổ sung nhóm tiêu chí II, IV tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	50	5,892	3,83	35
44	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “ <i>Có chương trình giáo dục, kế hoạch học tập, tài liệu học tập phù hợp với các hoạt động giáo dục tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> ”.	1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 37 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Phụ lục I kèm	10 ngày làm việc và 10 ngày	12 ngày làm việc	40	0,311	0,223	28.2

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 12 ngày làm việc.	theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.						
45	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.012970)	Giáo dục thường xuyên	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 04 ngày làm việc.	1. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	42,85	0,935	0,935	0
46	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: <i>Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc.	1. Sửa đổi khoản 1, 2, 4 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 05 ngày làm việc	12 ngày làm việc	20	1,649	0,993	39.8
47	Giải thể trung tâm học tập	Giáo dục	1. Bãi bỏ 01 trường hợp giải thể trung tâm học tập cộng	1. Bãi bỏ điểm c Khoản 1 Điều 41; Sửa đổi	15 ngày	12 ngày	20	2,218	1,518	31.6

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	cộng đồng (3.000308)	thường xuyên	đồng: <i>Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 12 ngày làm việc.	khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	và 05 ngày làm việc	làm việc				
48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (1.012957)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ điều kiện: <i>Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.</i> 2. Tích hợp và rút gọn 05 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật tại khoản 2 Điều 48 thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 12 ngày làm việc.	1. Bãi bỏ khoản 5; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày làm việc và 10 ngày	12 ngày làm việc	40	23,303	15,316	34,27

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
49	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại (3.000318)	Giáo dục thường xuyên	Giảm thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc.	1. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 50 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	42,85	0,574	0,574	0
50	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (3.000319)	Giáo dục thường xuyên	1. Bãi bỏ điều kiện: <i>Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.</i> 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục 2019. 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 48; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 51 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, khoản	10 ngày làm việc và 15 ngày	14 ngày làm việc	6,67	8,25	5	39,39

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				3 Điều 38 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP						
51	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000320)	Giáo dục thường xuyên	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc.	1. Sửa đổi khoản 4 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 39 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày làm việc và 15 ngày	14 ngày làm việc	36	1,619	1,619	0
V	Hoạt động của trường chuyên biệt									
52	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên (1.012958)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “ <i>Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số</i> ”	Sửa đổi, bổ sung Điều 70; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	43,33	2,318	1,268	45,3

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc.							
53	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Bỏ điều kiện: “<i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.</i>” (điểm đ khoản 1 Điều 27). 3. Nghiên cứu, tích hợp, rút gọn điều kiện “<i>Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường</i>”	1. Sửa đổi Điều 72, khoản 1 Điều 27; bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	43,33	2,45	1,34	45,31

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
54	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại (1.004988)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	28,57	0,931	0,441	53,63
55	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (1.004999)	Các cơ sở giáo dục khác	1 Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị	20 ngày và 10 ngày làm việc	14 ngày làm việc	30	4,872	2,896	40,56

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				định số 142/2025/NĐ-CP.						
56	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (1.004991)	Các cơ sở giáo dục khác	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP	20 ngày	10 ngày	50	2,261	1,271	43,79
57	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (3.000301)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “ <i>Trường dành cho người khuyết tật được thành lập ở cấp học mầm non và phổ thông khi có đề án phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm</i> ”	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 80; khoản 3 Điều 81 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	40	2,188	1,438	34,28

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.</i>							
58	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (3.000302)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Bỏ điều kiện: “<i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường</i>” tương ứng với từng cấp học. 3. Nghiên cứu, tích hợp, rút gọn điều kiện “<i>Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây</i>	1. Sửa đổi điểm a, b, c khoản 3 Điều 82, khoản 3 Điều 83, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	40	3,34	2,03	39,22

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			dụng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học. 4. Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.							
59	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại (3.000303)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc	1. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	28,57	1,181	0,66	44,03

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				định số 142/2025/NĐ-CP.						
60	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (3.000304)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 15 ngày làm việc	20 ngày làm việc	44	1,728	1,158	32,99
61	Giải thẻ trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	20 ngày	10 ngày	50	1,75	1,01	42,29

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	trường) (3.000305)			2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP						
62	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (3.000306)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 85; ; khoản 3 Điều 82 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	10 ngày làm việc và 20 ngày	17 ngày làm việc	46,67	1,881	1,141	39,34

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
63	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 85; ; khoản 3 Điều 82 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	10 ngày làm việc và 20 ngày	17 ngày làm việc	46,67	1,881	1,141	39,34
64	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng	Các cơ sở giáo dục	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 75; khoản 3 Điều	20 ngày và 10	17 ngày	33,33	2,182	0,822	37,59

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	kiểu nghệ thuật, thể dục, thể thao (1.012959)	dục khác	2. Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “ <i>Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP</i> ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.	76 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	ngày làm việc	làm việc				
65	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bỏ điều kiện: “ <i>Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường</i> ” tương ứng với từng cấp học.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, Điều 77, khoản 3 Điều 78 Nghị	10 ngày làm việc và	14 ngày làm việc	40	3,346	1,886	43,63

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)			
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	
	động giáo dục (3.000297)		2. Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học (trương tự đã đề xuất tại các thủ tục cho phép hoạt động trường tiểu học, trường trung học). 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 14 ngày làm việc.	định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 50 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày						
66	Cho trường khiêu	phép năng nghệ	Các cơ sở giáo	1. Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 79 Nghị	07 ngày	04 ngày	42,86	1,187	0,527	55,6

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại (3.000298)	dục khác	2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 04 ngày làm việc.	định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc	làm việc				
67	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (3.000299)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 17 ngày làm việc. 2. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.</i>	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	17 ngày làm việc	36,67	1,728	0,748	56,71

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
68	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000300)	Các cơ sở giáo dục khác	Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP.	20 ngày	10 ngày	50	1,75	1,14	34,86
69	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1.000181)	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ: “ <i>Giấy phép đăng ký kinh doanh</i> ”; “ <i>Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện</i> ”. 2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc	Bãi bỏ điểm b, điểm d khoản 2 Điều 7; sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT.	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	0	0,654	0,413	36,81
70	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ	Các cơ sở giáo dục khác	1. Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “ <i>Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện</i> ”.	Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 8; sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	0	21,982	12,357	43,79

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	chính khóa (1.001000)		2. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 03 ngày làm việc.							
VI	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài									
71	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000939)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ điều kiện: “ <i>Đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.</i> ” chuyển sang điều kiện cho phép hoạt động. 2. Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT; tích	1. Sửa đổi khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm a, c khoản 18, điểm b, c khoản 19, điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	14,48	10,15	30,86

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ. 3. Giảm thời gian giải quyết tại điểm a khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc; điểm a khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc; điểm d khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.							
72	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Gộp điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP thành 1 hồ sơ gồm Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục kèm theo Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo	Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	2,319	1,489	35,79

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	Việt Nam (1.000716)		dục có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu sốtại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn đề thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ). 2. Sửa 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.	CP, Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.						
73	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bỏ quy định thành phần hồ sơ về văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc cho thuê đất của UBND cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có. 2. Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	2,669	2,144	19,67

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			GDDT; tích hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ 3. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc. 4. Đã bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 NĐ 86 sđbs NĐ124 (Điều 2 Phụ lục I kèm							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP)							
74	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Rút gọn 06 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đối với cơ sở giáo dục mầm non thành 01 điều kiện chung: “ <i>Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> ”. 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc.	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	2,669	2,144	19,67
75	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi	Giáo dục, đào tạo với	1. Bổ “trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Nghị định này” và điều chỉnh thành theo Mẫu sốtại Phụ	Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	35	5,226	3,326	36,36

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	duỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000718)	nước ngoài	lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn đề thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ). 2. Sửa 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc; sửa “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ...” thành “03 ngày làm việc”.							
76	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.006446)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bỏ 02 điều kiện: <i>Có Quyết định thành lập cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài; hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài; Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy định của pháp luật.</i>	Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	47,77	41,08	14

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			2. Diệt a khoản 6 bổ sung Điều 46 Nghị định 86/2018: bỏ cụm từ “<i>Chương trình môn học</i>”, chỉ giữ lại “<i>nội dung giáo dục bắt buộc</i>”. 3. Sửa “<i>trong thời hạn 30 ngày (đối với hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam)</i>”, thành “<i>20 ngày</i>”; Sửa “<i>trong thời hạn 05 ngày làm việc</i>” thành “<i>03 ngày làm việc</i>”; Sửa “<i>trong thời hạn 05 ngày làm việc</i>” thành “<i>03 ngày làm việc</i>”.							
77	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non;	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).	Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	35	2,231	1,531	31,38

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.001495)									
78	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008722)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “ <i>Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i> ”. 2. Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).	Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	35	14,647	11,537	21,23

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
79	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008723)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “<i>Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i>”. 2. Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).	Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	35	14,647	11,54	21,21

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
80	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008720)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “ <i>Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i> ”; 2. Giảm thời gian giải quyết còn 14 ngày làm việc.	Sửa đổi Điều 6 Nghị định 84/2020/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	30	4,069	2,363	41,93
81	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “ <i>Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu</i>	Sửa đổi Điều 7 Nghị định 84/2020/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	30	3,719	2,814	24,34

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008721)		trường đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có)". 2. Giảm thời gian giải quyết còn 14 ngày làm việc.							
82	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (2.000130)		1. Bãi bỏ 03 điều kiện: Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng; Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam; Có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện hợp pháp và bảo đảm trật tự, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	1. Bãi bỏ Khoản 3, 4, 5, Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	2,8	1,51	46

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc.							
83	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (1.000159)		1. Bãi bỏ quy định: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản. 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc.	1. Sửa đổi bổ sung Điều 60 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	25	3,5	2,18	37,71
84	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Bãi bỏ TTHC.	Sửa đổi Điều 59 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc	0	100	0,22	0,22	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
85	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Bãi bỏ quy định: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày làm việc.	1. Sửa đổi bổ sung Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	25	13,68	8,62	37
VII	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài									
86	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729)		1. Cụ thể hóa các yêu cầu điều kiện. 2. Giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 05 ngày làm việc. 3. Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Giám đốc Sở GDĐT	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung 02 Luật: - Bổ sung Hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài vào Phụ lục IV Luật Đầu tư;	20 ngày	05 ngày làm việc	66,67	404,25	113,75	71,86

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				- Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108 Luật Giáo dục. - Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT. - Sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP						
87	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691)		Bãi bỏ TTHC. Bỏ quy định về thời hạn liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Do đó, bãi bỏ thủ tục gia hạn hoạt động liên kết tổ chức thi.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung 02 Luật: - Bổ sung Hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài vào Phụ lục IV Luật Đầu tư; - Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108 Luật Giáo dục.	10 ngày làm việc	0	100	14,334	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				3. Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT. 4. Sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP						
88	Chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)		1. Giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc. 2. Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Giám đốc Sở GDĐT	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung 02 Luật: - Bổ sung Hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài vào Phụ lục IV Luật Đầu tư; - Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108 Luật Giáo dục. 3. Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT. 4. Sửa đổi bổ sung Nghị định số	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	66,67	0,224	0,224	0

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP						
89	Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499)		1. Đơn giản hóa, tích hợp 03 điều kiện về đội ngũ nhà giáo thành 1 điều kiện chung và dẫn chiếu đến Điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 15 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.	Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT.	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	33,33	25,642	16,42	43
90	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)		1. Bỏ các điều kiện đã công bố: Các bên liên kết thực hiện đúng quy định trong quyết định phê duyệt liên kết; Không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. 2. Chuẩn hóa công bố thủ tục Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	40	4,992	3,412	37,38

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			gian giải quyết 10 ngày làm việc xuống 06 ngày làm việc.	kết giáo dục (1.001497).						
VIII	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học									
91	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)	Cơ sở giáo dục khác	1. Bãi bỏ 03 điều kiện: <i>Có trụ sở hoạt động ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức hoạt động tư vấn du học; tài liệu giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tài liệu tư vấn thông tin về trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ đào tạo; Có đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học đáp ứng các yêu cầu sau: Có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương; Có chứng chỉ</i>	Sửa đổi, bổ sung Điều 116, 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	294,15	173,60 4	40,98

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định.</i> 2. Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 20 ngày làm việc.							
92	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (2.001987)	Cơ sở giáo dục khác	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 05 ngày làm việc	Sửa đổi, bổ sung Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	28,57	98,05	61,77	37
93	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.012960)	Cơ sở giáo dục khác	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 13 ngày làm việc.	Sửa đổi, bổ sung Điều 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	35	49,25	49,25	0
IX	Kiểm định chất lượng giáo dục									
94	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với	Kiểm định chất	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong	40 ngày	0	100	19,226	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	trung tâm giáo dục thường xuyên (1.000259)	lượng giáo dục		đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục. 2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT.	làm việc					
95	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000711)	Kiểm định chất lượng giáo dục	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ tục tại Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục. 2. Bãi bỏ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 3. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	0	100	330,36	0	100
96	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng	Kiểm định chất lượng	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung	03 tháng và 20 ngày	0	100	205,11	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	giáo dục (1.000713)	giáo dục	tục tại Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	Điều 110 Luật Giáo dục. 2. Bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 3. Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	làm việc					
97	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000715)	Kiểm định chất lượng giáo dục	Bãi bỏ TTHC. (Đã cắt giảm 1 tháng và 05 ngày làm việc giải quyết thủ tục tại Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.)	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục. 2. Bãi bỏ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; 3. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	0	100	221,46	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
X	Giáo dục nghề nghiệp									
98	Thành lập trường cao đẳng sư phạm (1.012983)	Giáo dục nghề nghiệp (G03-GD03)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó, sửa đổi Điều 52 Luật Giáo dục. 2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 1, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	20 ngày	0	100	3,889	0	100
99	Đổi tên trường cao đẳng (1.002864)	Giáo dục nghề nghiệp (G03-GD03)	Bãi bỏ TTHC.	Chuẩn hoá TTHC trên tại danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30 ngày làm việc	0	100	1,704	0	100
100	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực (2.000632)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp.	20 ngày làm việc	0	100	0,785	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				2. Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT- BLDTBXH.						
101	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000252)	Giáo dục nghề nghiệp (G07- LD06)	1. Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “ <i>Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định</i> ”; “ <i>Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập</i> ”; “ <i>Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ</i>	1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. 3. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ- CP. 4. Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ- CP.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	30	669,29 4	341,16 9	49,03

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”. 2. Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" thành "Có đủ chương trình"; "Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học" thành "Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học"; "Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25.							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”</i> 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày làm việc.							
102	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000249)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	1. Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “<i>Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định</i>”; “<i>Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ</i>	1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. 2. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; 3. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	30	2.109,3 13	1.190,5 63	43,5

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m2/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động	định số 15/2019/NĐ-CP; 4. Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.						

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; 2. Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”; 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày làm việc.							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
103	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	1. Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh: “ <i>Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i> ”; “ <i>Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định</i> ”; “ <i>Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của</i>	1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; 2. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; 3. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; 4. Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	30	670,1	341,975	49

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; 2. Đơn giản hóa 02 điều kiện kinh doanh: “Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”; 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày làm việc.							
104	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	1. Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt	1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; 2. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	30	2.115,875	1.197,125	43,4

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389)		động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý,	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; 3. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; 4. Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.						

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; 2. Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh							

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”; 3. Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC còn 07 ngày làm việc.							
105	Cho phép thành lập trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000145)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.	16 ngày làm việc	16 ngày làm việc	0	5,232	3,99	23,07
106	Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng (1.000611)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	0	8,565	7,16	16,4
107	Công nhận trường cao đẳng tư thực, trường	Giáo dục nghề nghiệp	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP	20 ngày	20 ngày	0	1,885	1,42	24,62

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000561)	ngành (G07-LĐ06)	<i>động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.</i>		làm việc	làm việc				
108	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	0	3,038	2,57	15,27

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	ương (2.000099)									
109	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000509)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP	16 ngày làm việc	16 ngày làm việc	0	3,701	2,81	24,02
110	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.</i>	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc	0	1,885	1,49	21,01

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	nhuận (1.000482)									
111	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực (1.010593)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.	15 ngày làm việc	0	100	0,643	0	100
112	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010581)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp.	15 ngày làm việc	0	100	8,77	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				2. Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.						
113	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010594)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.	15 ngày làm việc	0	100	0,643	0	100
114	Công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực (1.010580)	Giáo dục nghề nghiệp	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 6 Điều 12	15 ngày làm việc	0	100	8,77	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
		(G07- LD06)		Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT- BLĐTBXH.						
115	Công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục (1.010582)	Giáo dục nghề nghiệp (G07- LD06)	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 15/2021/TT- BLĐTBXH.	15 ngày làm việc	0	100	6,583	0	100
116	Thôi công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng	Giáo dục nghề nghiệp	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề	15 ngày	0	100	4,395	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	tư thực (1.010583)	(G07-LĐ06)		ngành, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.	làm việc					
117	Công nhận hiệu trường trường trung cấp tư thực (1.010595)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.	15 ngày làm việc	0	100	0,435	0	100
118	Thôi công nhận hiệu trường trường trung	Giáo dục nghề nghiệp	Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề	15 ngày	0	100	0,354	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	cấp tư thực (1.010596)	ngành (G07- LĐ06)		ngành, trong đó, sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 14/2021/TT- BLĐTBXH.	làm việc					
119	Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng (1.010924)	Giáo dục nghề ngành (G07- LĐ06)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề ngành, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ- CP. 3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	0	100	20,364	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				4. Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP						
120	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng (2.001686)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, sửa đổi Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.	15 ngày làm việc	0	100	1,507	0	100
121	Cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (1.000177)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 13; bãi bỏ Điều 11, Điều 12,	07 ngày làm việc	0	100	1,908	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ⁱ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. 3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.						
122	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000154)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Sửa đổi Điều 13 bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	0	100	1,908	0	100
123	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc		Bãi bỏ TTHC	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề	07 ngày	0	100	3,454	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn (1.010927)			ngành, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Bãi bỏ Điều 9 ND số 143/2016/NĐ-CP, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP. 3. Sửa đổi Điều 56 Phụ lục I kèm theo ND số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
124	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư		Bãi bỏ TTHC.	1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó, bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016.	15 ngày làm việc	0	100	1,507	0	100

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.000266)			3. Bãi bỏ Điều 59 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.						
XI	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp									
125	Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000286)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.</i>	Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 49/2018/NĐ-C	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	0	407,216	407,216	0
126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000298)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: <i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.</i>	Bãi bỏ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc	0	0,227	0,227	0

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
127	Cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi nguyên nhân bị đình chỉ được khắc phục (1.000293)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	Giảm thời gian giải quyết còn 20 ngày làm việc.	Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	33,33	0,337	0,337	0
XII	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ									
128	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (2.001914)	Văn bằng, chứng chỉ	Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc	Đã thực thi tại điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	60	1.117,65	459,414	41
129	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ tại cấp Bộ (1.005138)	Văn bằng, chứng chỉ	Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc	Đã thực thi tại điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	60	1,05	0,868	17,33

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG ¹ (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
130	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (1.005092)	Văn bằng, chứng chỉ	Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc	Đã thực thi tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT- BGDDT	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	50	5.854,3 9	659,41	23,69
131	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp trung ương) (1.010025)	Văn bằng, chứng chỉ	Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc	Đã thực thi tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT- BGDDT	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	50	0,438	0,404	7,76
Tổng số	131	12		03 luật; 11 Nghị định; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 16 Thông tư của Bộ trưởng	18 tháng, 2768 ngày làm việc, 2007 ngày	3.514 ngày làm việc	32,79 %	24.873, 93 triệu đồng	16.856, 72 triệu đồng	32,23 %

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục III

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC THI CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Báo cáo số **884** /BC-BGDĐT ngày **27** tháng **6** năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
I	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non									
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012961)	Giáo dục mầm non	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	15 ngày và 10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		69,734		
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động	Giáo dục mầm non	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày và 10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		113,49 7		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	giáo dục (1.006390)									
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)	Giáo dục mầm non	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc		1,055		
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)	Giáo dục mầm non	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 15 ngày làm việc	20 ngày làm việc		2,909		
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập	Giáo dục mầm non	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày	10 ngày		150,48 9		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	trường) (1.012962)									
6	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã	Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 142/2025/NĐ- CP; Điều 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc		4,737		
II	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông									
7	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)	Giáo dục tiểu học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 8 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 11 Phụ lục I kèm theo	15 ngày và 10 ngày	20 ngày làm việc		11,916		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
				Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
8	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)	Giáo dục tiểu học	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 8 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		37,398		
9	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)	Giáo dục tiểu học	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 8 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc		1,231		
10	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)	Giáo dục tiểu học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 8 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày và 10 ngày làm việc	25 ngày làm việc		5,044		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
11	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)	Giáo dục tiểu học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 8 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày	20 ngày làm việc		1,4		
12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964)	Giáo dục trung học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	20 ngày và 10 ngày làm việc	25 ngày làm việc		2,318		
13	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ	Giáo dục trung học	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;	20 ngày và 10 ngày	25 ngày làm việc		2,45		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965)			Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
14	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại (1.012966)	Giáo dục trung học	Đã phân cấp giải quyết từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc		0,93		
15	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp	Giáo dục trung học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;	20 ngày và 10 ngày	25 ngày làm việc		2,436		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967)			Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	làm việc					
16	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968)	Giáo dục trung học	Đã phân cấp giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 142/2025/NĐ- CP; Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP.	20 ngày	20 ngày làm việc		2,383		
17	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Điều 12 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc		7,945		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)	quốc dân								
18	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã. 2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc	Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	02 tháng và 15 ngày làm việc		203,47 5		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
19	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã. 2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc	Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	02 tháng và 15 ngày làm việc		224,73		
20	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (1.000691)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã.	Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	02 tháng và 15 ngày làm việc		336,25 5		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc							
III	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên									
21	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)	Giáo dục thường xuyên	Đã phân định thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với trung tâm công lập), Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trung tâm tư thực) về Chủ tịch UBND cấp xã	Điều 14 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 28 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày làm việc và 10 ngày	15 ngày làm việc		0,311		
22	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.012970)	Giáo dục thường xuyên	Đã phân định thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với trung tâm công lập), Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trung tâm tư thực) về Chủ tịch UBND cấp xã	Điều 14 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ- CP.	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc		0,935		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
23	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)	Giáo dục thường xuyên	Đã phân định thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với trung tâm công lập), Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trung tâm tư thực) về Chủ tịch UBND cấp xã	Điều 14 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 30 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 05 ngày làm việc	20 ngày làm việc		1,649		
24	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (3.000308)	Giáo dục thường xuyên	Đã phân định thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với trung tâm công lập), Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trung tâm tư thực) về Chủ tịch UBND cấp xã	Điều 14 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	15 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày làm việc		2,218		
25	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)	Giáo dục thường xuyên	Đã bỏ thành phần hồ sơ tại điểm d khoản 2 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP: Đối với trung tâm trực thuộc đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm nằm ngoài khuôn viên nhà trường và	Khoản 3 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 05 ngày làm việc		1.155,8 87		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			trung tâm do tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đề nghị thành lập trung tâm.							
IV	Hoạt động của trường chuyên biệt									
26	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường	Các cơ sở giáo dục khác	Phân định thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Chủ tịch UBND cấp xã.	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.	10 ngày làm việc và 20 ngày	10 ngày làm việc và 20 ngày		1,881		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)									
V	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài									
27	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 5 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc		2,669		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)									
28	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	1. Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh. 2. Đã công bố thay thế thủ tục này bằng 2 TTHC, trong đó, công bố thẩm quyền giải quyết TTHC đảm bảo quy định phân cấp: - Giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn	Điều 5 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP. Quyết định số 1649/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025.	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc		2,669		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.013766); - Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập (1.013767).							
29	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 6 Nghị định 143/2025/NĐ-CP; Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	30 ngày làm việc		4,069		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	nhuận (1.008720)									
30	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.008721)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 6 Nghị định 143/2025/NĐ-CP; Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.				3,719		
31	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại	Giáo dục, đào tạo với	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 9 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc		2,8		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	Việt Nam (2.000130)	nước ngoài								
32	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (1.000159)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 9 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP: Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc		3,5		
33	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000451)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 8 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP: Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	25 ngày làm việc	30 ngày làm việc		2,8		
34	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn	Giáo dục,	1. Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ	Điều 8 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP: Điều	20 ngày	30 ngày		3,5		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000680)	đào tạo với nước ngoài	GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh. 2. Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều 60 Nghị định số 86/2018, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: - <i>Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài hoặc bản sao (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu của địa phương hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;</i> - <i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng</i>	5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	làm việc	làm việc				

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			<i>đại diện giáo dục nước ngoài hoặc bản sao (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp đã đăng ký hoạt động). Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu của địa phương hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này.</i>							
35	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 8 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày làm việc	30 ngày làm việc		13,68		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	văn phòng đại diện (1.001501)									
VI	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài									
36	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729)		Đã phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 7 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP: Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.	20 ngày	20 ngày làm việc		404,25		
VII	Kiểm định chất lượng giáo dục									
37	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000711)	Kiểm định chất lượng giáo dục	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	02 tháng và 15 ngày làm việc	30	330,36		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã. 2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc							
38	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000713)	Kiểm định chất lượng giáo dục	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã. 2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc	Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày làm việc	02 tháng và 15 ngày làm việc	30	205,11		
39	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng	Kiểm định chất lượng	1. Phân cấp thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận từ	Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT	03 tháng và 20 ngày	02 tháng và 15 ngày	30	221,46		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	lượng giáo dục (1.000715)	giáo dục	Phòng Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp xã. 2. Điều chỉnh tổng thời gian giải quyết từ 03 tháng 20 ngày làm việc còn 02 tháng 15 ngày làm việc		làm việc	làm việc				
VIII	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ									
40	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (2.001914)	Văn bằng, chứng chỉ	1. Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc. 2. Đã chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo 2 cấp là cấp tỉnh và cấp xã (đối với các cơ quan lưu trữ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THCS hiện nay chuyển về cấp xã quản lý). Đã công bố thay thế thủ tục này bằng 2 TTHC: - <i>Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã) (3.000468);</i>	1. Điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT. 2. Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2025.	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	60	1117,65		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
			- <i>Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh) (3.000466).</i>							
41	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (1.005092)	Văn bằng, chứng chỉ	1. Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc. 2. Đã chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo 2 cấp là cấp tỉnh và cấp xã (đối với các cơ quan lưu trữ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THCS hiện nay chuyển về cấp xã quản lý). Đã công bố thay thế thủ tục này bằng 2 TTHC: - <i>Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã) (3.000467);</i> - <i>Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh) (3.000465).</i>	1. Điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT. 2. Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2025.	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0	5854,3 89		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
42	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ tại cấp Bộ (1.005138)	Văn bằng, chứng chỉ	1. Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc. 2. Đã chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo 2 cấp là cấp tỉnh và cấp xã (đối với các cơ quan lưu trữ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THCS hiện nay chuyển về cấp xã quản lý). Đã công bố thay thế thủ tục này bằng 2 TTHC: <i>- Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã) (3.000468);</i> <i>- Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh) (3.000466).</i>	1. Điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT. 2. Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2025.	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	60	1,05		
43	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp trung)	Văn bằng, chứng chỉ	1. Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc. 2. Đã chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo 2 cấp là cấp tỉnh	1. Điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	50	0,438		

TT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Tóm tắt nội dung cắt giảm (CG), đơn giản hóa (ĐGH)	Văn bản thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thời gian giải quyết			Chi phí tuân thủ TTHC (triệu đồng)		
					Trước khi CG, ĐGH	Sau khi CG, ĐGH	Tỷ lệ CG (%)	Hiện tại	Sau ĐGH	Tỷ lệ CG (%)
	ương) (1.010025)		và cấp xã (đối với các cơ quan lưu trữ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THCS hiện nay chuyển về cấp xã quản lý). Đã công bố thay thế thủ tục này bằng 2 TTHC: - <i>Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)</i> <i>(3.000468);</i> - <i>Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh) (3.000466).</i>	2. Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2025.						

